

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2023/HSST
Ngày 11-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy và ông Nguyễn Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:**

Ông Phạm Quang Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:**

Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/HSST-QĐ ngày 18-4-2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh 1990, tại Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 160/7, đường T, tổ 1, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Không có chỗ ở ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 1/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Hồ Thị D; chưa có chồng; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 04-12-2022 đến ngày 13-12-2022, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

- **Bị hại:** Bà Đặng M, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 50 Đ, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn Đ (Đ sinh năm 1987, chưa xác định được nơi cư trú) là anh em ruột; N là người có sử dụng ma túy, không có

nghề nghiệp, không có nơi cư trú ổn định. Khoảng 01 giờ ngày 04/12/2022, khi Nga đang ở tại xã Ia Phìn, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, thì nhận được điện thoại của Đ nói N đến khu vực ngã tư đường Trường Chinh – Lê Thánh Tôn – Nguyễn Chí Thanh, thuộc phường C, TP.P để chở Đ đi công việc; N đồng ý và nhờ Nguyễn Thành L (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ – là người quen của N) dùng xe mô tô chở N đến địa chỉ mà Đ đã hẹn như đã nêu trên, rồi L quay về. N đợi khoảng 05 phút, thì Đ điều khiển xe mô tô biển số 81F4-2300 đến và chở N đi dạo trên một số tuyến đường ở TP.P. Khi đến đường Đ, đoạn đường gần nhà bà Đặng M, Đ dừng xe lại và bảo N điều khiển xe đi nơi khác, lát nữa Đ gọi thì quay lại, rồi Đ đi bộ đến trước nhà số 50. Lúc này khoảng 03 giờ ngày 04/12/2022, N quan sát thấy nhà số 50 đóng cửa, không có người, nên N biết là Đ sẽ đột nhập vào nhà này để trộm cắp tài sản; N không nói gì và điều khiển xe mô tô 81F4-2300 đi lòng vòng trên một số đường ở gần đó, mục đích cảnh giới cho Đ và để người dân khỏi nghi ngờ. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, Đ gọi điện thoại bảo N quay lại vị trí cũ để đón Đ; N điều khiển xe mô tô 81F4-2300 quay lại gần nhà số 50 đường Đ, thì thấy Đ cầm 01 ba-lô để lên xe, rồi Đ điều khiển xe chở N bỏ đi. Trên đường đi, Đ nói khi bán được “đồ” thì sẽ cho N tiền; N biết rõ là Đ đã trộm cắp được tài sản trong nhà số 50 đường Đ và khi Đ bán được tài sản này thì sẽ cho N tiền, nhưng N không biết là Đ đã trộm cắp được những tài sản gì. Khi Đ điều khiển xe mô tô 81F4-2300 chở N đi đến đường Trường Sa, thuộc làng N, xã Ia K, TP.P, thì cả hai bị lực lượng tuần tra của Công an xã Ia K yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Đ dừng xe lại và bỏ chạy bộ trốn thoát, còn N cùng với xe mô tô 81F4-2300 và ba-lô của Đ bỏ lại, được Công an xã Ia K đưa về trụ sở để làm rõ. Tại Công an xã Ia K, N đã khai báo toàn bộ diễn biến hành vi do N và Đ thực hiện như nêu trên. Công an xã Ia K tiến hành thu giữ các vật chứng gồm: 01 ba-lô màu đen; bên trong ba-lô có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo V15 IGL, loại 82C3 màu xám; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, loại Latitude F5450 màu đen; 01 Sổ hộ khẩu gia đình và 01 Hộ chiếu đều mang tên Nguyễn Văn L. Trên cơ sở lời khai của N, Công an xã Ia K thông báo và làm việc với bà Đặng M, thì bà M làm đơn trình báo bị mất các tài sản gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo V15 IGL, loại 82C3, màu xám; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, loại Latitude F5450, màu đen; 01 Sổ hộ khẩu và 01 Hộ chiếu đều mang tên Nguyễn Văn L; 01 ba-lô màu đen; 01 nhẫn vàng 24K; 01 nhẫn vàng 18K cùng với và 4.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vụ việc sau đó được Công an xã Ia K chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P xử lý. Cơ quan điều tra đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nga và thu giữ của N và 01 điện thoại động hiệu Oppo F5 màu vàng (kèm thẻ sim).

Cáo trạng số: 60/CT-VKS ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Nguyễn Thị N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N đã có lời khai thống nhất như nội dung bản cáo trạng.

Trong quá trình điều tra, bị hại Đặng M yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị nhẫn vàng và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã bị chiếm đoạt, với số tiền 20.000.000 đồng, nhưng bị hại không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

-Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng, và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Thị N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều: 38, 50; các điểm: i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị N: Từ 06 tháng đến 09 tháng tù; tịch thu sung, nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5; tịch thu tiêu hủy 01 sim số; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo buộc phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai của bị cáo đã khai trong quá trình điều tra, truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung của bản Cáo trạng số: 60/CT-VKS ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đã đủ căn cứ kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 04/12/2022, tại khu vực trước nhà bà Đặng M ở số 50 đường Lương, tổ 04, phường H, TP.P, Nguyễn Thị N đã tiếp nhận ý chí và cảnh giới cho Nguyễn Văn Đ đột nhập vào nhà bà M để lén lút chiếm đoạt 02 máy tính xách tay có tổng trị giá 8.400.000 đồng, 01 ba-lô không xác định được trị giá và một số giấy tờ khác. Đến khoảng hơn 04 giờ cùng ngày, khi Đạt điều khiển xe mô tô biển số 81F4-2394 chở Nga và các tài sản chiếm đoạt được đang tẩu thoát tại đường Trường Sa, xã Ia K, TP.P, thì bị Công an xã Ia K yêu cầu dừng lại để kiểm tra, Đ dừng xe lại rồi chạy bộ trốn thoát, còn N bị bắt giữ cùng các vật chứng và xe mô tô 81F4-2300.

[4] Bị cáo Nguyễn Thị N có năng lực trách nhiệm hình sự và đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm nêu trên đã đủ căn cứ tuyên bố Nguyễn Thị N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Các tình tiết liên quan đến quyết định hình phạt:

Bị cáo không có tình tiết định khung tăng nặng nên bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm: i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuy vậy, việc áp dụng hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, giáo dục, nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với các tài sản của bà Đặng M bị chiếm đoạt đã thu giữ được, qua định giá xác định 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo V15 IGL, loại 82C3, màu xám và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, loại Latitude F5450, màu đen có tổng trị giá 8.400.000 đồng; riêng ba lô màu đen, Hội đồng định giá không xác định được trị giá. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại các tài sản trên cùng với Sổ hộ khẩu, Hộ chiếu mang tên Nguyễn Văn L, cho bà M nhưng Bà không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản này nên không giải quyết.

Quá trình điều tra vụ án, bà M khai ngoài tài sản nêu trên thì gia đình Bà còn bị chiếm đoạt các tài sản khác gồm: Nhẫn vàng và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có tổng giá trị là 20.000.000 đồng và buộc bị cáo bồi thường số tiền này. Nhưng do Cơ quan điều tra chưa bắt giữ được đối tượng Đ, nên chưa có đủ căn cứ để kết luận và giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền nêu trên.

[9] Về vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 81F4-2300, là phương tiện mà đối tượng Nguyễn Văn Đ sử dụng chở Nguyễn Thị N đi chiếm đoạt tài sản tại nhà bà Đặng M, sau đó bỏ lại và trốn thoát. Qua điều tra xác định xe mô tô nêu trên do bà Lê Thị Hồng H, ở phường Trà Bá, TP.P đứng tên đăng ký. Tuy nhiên, qua xác minh tại phường Trà Bá thì Cơ quan điều tra không xác định được người có tên Lê Thị Hồng H nêu trên, nên cần thiết giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, quản lý xe mô tô 81F4-2300, để xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

01 điện thoại động hiệu Oppo F5 màu vàng, là phương tiện phạm tội, nhưng có giá trị sử dụng nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

01 thẻ sim điện thoại di động, là phương tiện phạm tội, nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Xem xét hành vi liên quan:

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chưa truy bắt được đối tượng Nguyễn Văn Đ, nên chưa có đủ căn cứ để kết luận Đ là đồng phạm với Nguyễn Thị N; chưa có căn cứ xác định Đ có chiếm đoạt 01 nhẫn vàng 24K; 01 nhẫn vàng 18K cùng với và 4.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bà Đặng M hay không. Bị cáo N không biết rõ Đ đã chiếm đoạt được những tài sản gì trong nhà bà M và Đ có chiếm đoạt nhẫn vàng, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo như lời khai của bà M hay không. Ngoài lời khai của N, thì Cơ quan điều tra chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh Đ là đồng phạm với N. Do vậy, Cơ quan điều tra chưa có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N về toàn bộ số tài sản của bà M bị chiếm đoạt theo như lời khai của bà M và cũng chưa có đủ căn cứ để thực hiện việc khởi tố, truy nã đối với Nguyễn Văn Đ. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật đối với đối tượng Đ, để không bỏ lọt tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều: 38, 50; các điểm: i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 04 tháng 12 năm 2022.

3. Xử lý vật chứng:

-Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

-Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5, màu vàng, model CPH 1723 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

Tịch thu và tiêu hủy 01 thẻ sim điện thoại di động đã cũ.

Vật chứng, tài sản nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08-5-2023 giữa Công an thành phố Pleiku với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố P tiếp tục tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu DREAM, màu sơn: Nâu, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, gắn biển số 81F4-2300, để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm:

-Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

-Căn cứ vào các Điều: 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11-5-2023). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. P;
- Công an thành phố P;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Bị cáo; -Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng